QUY TẮC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI

CỦA

TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐẠI NAM

(Có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2026)

QUY TẮC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA
TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐẠI NAM

(Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2026)

MỤC LỤC

QUY TẮC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA 1
TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐẠI NAM 1
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Phạm vi áp dụng 1
Điều 2. Giải thích từ ngữ 1
CHƯƠNG II. BẮT ĐẦU TỐ TỤNG TRỌNG TÀI 3
Điều 5. Bắt đầu tố tụng trọng tài 3
Điều 6. Tranh chấp từ nhiều hợp đồng 3
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI 8
Điều 11. Các quy định chung về thành lập Hội đồng Trọng tài 8
Điều 16. Tiến hành tố tụng trọng tài 14
Điều 17. Gộp các vụ tranh chấp 15
Điều 18. Bổ sung bên tranh chấp 16
Điều 19. Luật áp dụng giải quyết vụ tranh chấp 18
Điều 20. Địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài 18
Điều 21. Ngôn ngữ trọng tài 19
Điều 23. Cuộc họp giữa Trung tâm và các bên 19
Điều 24. Thủ tục rút gọn 20
Điều 25. Thẩm quyền xác minh sự việc của Hội đồng Trọng tài 20
Điều 27. Chuyên gia do Hội đồng Trọng tài chỉ định 22
Điều 28. Thẩm quyền triệu tập người làm chứng của Hội đồng Trọng tài 22
CHƯƠNG V. PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN HÒA GIẢI THÀNH, PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI, QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ 24
Điều 30. Phiên họp giải quyết tranh chấp 24
Điều 31. Hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp 24
Điều 33. Thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài 25
Điều 35. Nguyên tắc lập Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng Trọng tài 26
Điều 36. Phán quyết trọng tài 26
Điều 37. Sửa chữa và giải thích Phán quyết trọng tài, lập Phán quyết trọng tài bổ sung 27

Điều 38. Đình chỉ giải quyết tranh chấp 28
Điều 41. Quyết định về phí trọng tài và các chi phí khác 30
CHƯƠNG VII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC 30
Điều 43. Mất quyền phản đối 30
Điều 44. Giới hạn trách nhiệm 31
Điều 45. Các quy định chung 32
PHỤ LỤC I. TIÊU CHUẨN TRỌNG TÀI VIÊN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐẠI NAM 32
Điều 1. Quy định chung 32
PHỤ LỤC II. THỦ TỤC RÚT GỌN 34
Điều 1. Các điều khoản chung 34
Điều 2. Số lượng Trọng tài viên và Thành lập Hội đồng Trọng tài 34
Điều 3. Việc nộp tài liệu, chứng cứ 35
Điều 4. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp 35
Điều 5. Phán quyết trọng tài 35
PHỤ LỤC III. ĐIỀU KHOẢN TRỌNG TÀI MẪU 35
A. Điều khoản trọng tài mẫu (áp dụng cho thủ tục thông thường) 35
B. Điều khoản trọng tài mẫu (áp dụng cho thủ tục rút gọn) 36

QUY TẮC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA
TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐẠI NAM

(Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2026)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Đại Nam ("Quy tắc") được áp dụng đối với các vụ tranh chấp được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Đại Nam trong các trường hợp sau đây:
    a. Có thỏa thuận giải quyết tranh chấp theo Quy tắc này;
    b. Có thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Đại Nam;
    c. Tranh chấp được một bên hoặc các bên nộp Đơn khởi kiện tới Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Đại Nam để giải quyết, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
2. Các Phụ lục kèm theo Quy tắc này là một phần không tách rời của Quy tắc và được áp dụng khi Quy tắc dẫn chiếu tới.
3. Thủ tục tố tụng trọng tài theo Quy tắc này bao gồm Thủ tục thông thường và Thủ tục rút gọn. Trừ khi Thủ tục rút gọn được áp dụng, việc giải quyết các vụ tranh chấp được tiến hành theo Thủ tục thông thường.
4. Quy tắc này được áp dụng để giải quyết các vụ tranh chấp có tố tụng trọng tài bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Bằng việc thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Đại Nam hoặc thỏa thuận quy định của Quy tắc này mâu thuẫn với quy định bắt buộc của pháp luật trọng tài áp dụng trong vụ tranh chấp mà các bên không thể thỏa thuận khác, thì quy định của pháp luật đó được ưu tiên áp dụng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy tắc này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Trung tâm*" là Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Đại Nam hoặc ICAC.
2. "*Danh sách Trọng tài viên*" là Danh sách Trọng tài viên của Trung tâm.
3. "*Hội đồng Trọng tài*" gồm ba Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
4. "*Nguyên đơn*" là bên khởi kiện để yêu cầu trọng tài giải quyết vụ tranh chấp khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của bên đó bị xâm phạm. Nguyên đơn gồm một hoặc

nhiều nguyên đơn.

5. "*Bị đơn*" là bên bị Nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu trọng tài giải quyết vụ tranh chấp khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn bị bên đó xâm phạm. Bị đơn gồm một hoặc nhiều bị đơn.
6. "*Quy tắc*" là Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm.
7. "*Thủ tục thông thường*" là thủ tục tố tụng được tiến hành theo các quy định của Quy tắc này, trừ các quy định tại Điều 24 và Phụ lục II của Quy tắc này. *"Thủ tục rút gọn"* của Quy tắc này.
8. *"ICAC.VN"* là nền tảng quản lý hồ sơ trực tuyến của Trung tâm, cho phép nộp đơn và tài liệu dưới dạng điện tử, và có thể truy cập từ trang thông tin điện tử của Trung tâm.

Điều 3. Việc gửi thông báo, tài liệu; cách tính thời hạn

1. Trừ trường hợp Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài quyết định khác, thông báo, tài liệu do một bên gửi cho Trung tâm phải đủ số bản để Trung tâm gửi cho các thành viên của Hội đồng Trọng tài mỗi người một bản, tới bên kia một bản và Trung tâm lưu một bản.

   Theo quyết định của Hội đồng Trọng tài hoặc theo thỏa thuận của các bên, các thông báo, tài liệu có thể được một bên hoặc các bên gửi cho bên còn lại và đồng thời gửi cho Hội đồng Trọng tài và Trung tâm.

2. Thông báo, tài liệu được Trung tâm gửi tới địa chỉ của các bên hoặc đại diện của các bên, do các bên cung cấp như sau:
   là thủ tục tố tụng được tiến hành theo quy định tại Điều 24, Phụ lục II và các quy định liên quan

   a) Địa chỉ được các bên thỏa thuận hoặc địa chỉ được cung cấp bởi bên nhận thông báo, tài liệu; hoặc
   b) Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ cư trú hoặc địa chỉ giao dịch của các bên; hoặc
   c) Địa chỉ thư điện tử hoặc hệ thống thông tin điện tử của các bên; hoặc
   d) Các tài khoản của các bên trên nền tảng ICAC.VN theo thỏa thuận giữa một bên hoặc các bên với Trung tâm.
3. Trong trường hợp sau khi đã thực hiện các nỗ lực hợp lý mà Trung tâm không thể gửi thông báo, tài liệu được tới một bên theo địa chỉ nêu tại khoản 2 Điều này, Trung tâm gửi thông báo, tài liệu tới địa chỉ cuối cùng được biết đến, hoặc các địa chỉ khác của bên đó được xác nhận bởi bên cung cấp.
4. Thông báo, tài liệu có thể được gửi bằng cách giao trực tiếp, thư bảo đảm, fax, thư điện tử, trao đổi trên nền tảng ICAC.VN hoặc bằng bất kỳ phương thức nào khác có ghi nhận việc gửi này.

5. Thông báo, tài liệu do Trung tâm gửi cho các bên được coi là đã nhận vào ngày mà các bên đã nhận theo chứng từ chuyển phát, bằng chứng giao nhận trực tiếp, hoặc các bằng chứng khác có ghi nhận việc gửi nhận; hoặc vào ngày ghi nhận nỗ lực cuối cùng để giao thông báo, tài liệu đó tới địa chỉ bên nhận theo khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này.
6. Đối với các thời hạn quy định trong Quy tắc này, ngày đầu tiên của thời hạn không được tính mà tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày được xác định. Nếu ngày tiếp theo liền kề không phải là ngày làm việc theo quy định của nước hoặc vùng lãnh thổ của một Trung tâm thì thời hạn được tính từ ngày làm việc đầu tiên tiếp theo.
7. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn không phải là ngày làm việc theo quy định của nước hoặc vùng lãnh thổ của một bên hoặc của Trung tâm thì thời hạn kết thúc vào cuối ngày làm việc đầu tiên tiếp theo. Những ngày không phải là ngày làm việc khác trong thời hạn được tính vào thời hạn.
8. Trừ các thời hạn bắt buộc theo quy định của pháp luật hoặc của Quy tắc này, Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên, quyết định gia hạn các thời hạn, có tính đến các tình tiết cụ thể của vụ tranh chấp.

Điều 4. Tham gia tố tụng trọng tài

1. Các bên có thể trực tiếp tham gia hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện tham gia tố tụng trọng tài. Các bên có quyền mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia tố tụng trọng tài.
2. Hội đồng Trọng tài hoặc Trung tâm, nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, có quyền bên hoặc của

   yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ chứng minh thẩm quyền của người đại diện tham gia tố tụng trọng tài hoặc tư cách của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.
3. Hội đồng Trọng tài hoặc Trung tâm, nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, có quyền quyết định về hình thức ủy quyền. Bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến tính hợp lệ, nội dung hay hiệu lực của các tài liệu ủy quyền sẽ được Hội đồng Trọng tài xem xét và quyết định cuối cùng.

CHƯƠNG II. BẮT ĐẦU TỐ TỤNG TRỌNG TÀI

Điều 5. Bắt đầu tố tụng trọng tài

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác và trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 của Quy tắc này, tố tụng trọng tài bắt đầu từ ngày Trung tâm nhận được Đơn khởi kiện của Nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy tắc này.

Điều 6. Tranh chấp từ nhiều hợp đồng

1. Đối với các yêu cầu khởi kiện phát sinh từ hoặc liên quan đến nhiều hơn một thỏa thuận trọng tài, Nguyên đơn có quyền:
   a) Nộp từng Đơn khởi kiện riêng tương ứng với mỗi thỏa thuận trọng tài được viện dẫn; hoặc
   b) Nộp một Đơn khởi kiện trên cơ sở các thỏa thuận trọng tài được viện dẫn cùng với yêu cầu gộp các yêu cầu khởi kiện để giải quyết trong cùng một vụ tranh chấp và nêu rõ yêu cầu khởi kiện phát sinh từ hoặc liên quan đến mỗi thỏa thuận trọng tài tương ứng.
2. Trường hợp Nguyên đơn thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Nguyên đơn nộp đủ phí trọng tài, Chủ tịch Trung tâm xem xét và quyết định việc gộp hay không gộp các yêu cầu khởi kiện khi đáp ứng các yếu tố sau:
   a) Các yêu cầu khởi kiện phát sinh từ các hợp đồng có liên quan đến nhau, hoặc cùng một giao dịch hoặc chuỗi giao dịch liên quan;
   b) Các vấn đề pháp lý hoặc tình tiết, sự việc tranh chấp phát sinh trên cơ sở các thỏa thuận trọng tài tương đồng với nhau; và
   c) Các thỏa thuận trọng tài tương thích với nhau.

   Trong trường hợp cần thiết, Trung tâm có thể yêu cầu Nguyên đơn giải thích, cung cấp bổ sung tài liệu trước khi Chủ tịch Trung tâm quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận việc gộp các yêu cầu khởi kiện vào một vụ tranh chấp.
3. Trường hợp Chủ tịch Trung tâm quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu gộp của Nguyên đơn theo khoản 2 Điều này, Trung tâm gửi thông báo vụ tranh chấp cho Bị đơn theo Điều 8 của Quy tắc này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Trung tâm ra quyết định.

   Trường hợp Chủ tịch Trung tâm quyết định không chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu gộp của Nguyên đơn theo khoản 2 Điều này, Trung tâm yêu cầu Nguyên đơn sửa đổi Đơn khởi kiện trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Trung tâm. Trong thời hạn 07 ngày làm

   việc kể từ ngày nhận được Đơn khởi kiện sửa đổi của Nguyên đơn theo đúng yêu cầu của Trung tâm, Trung tâm gửi Thông báo vụ tranh chấp cho Bị đơn theo Điều 8 của Quy tắc này.

   Trên cơ sở Quyết định của Chủ tịch Trung tâm tại khoản 2 Điều này, Trung tâm có thể tính lại phí trọng tài và yêu cầu Nguyên đơn nộp phí trọng tài bổ sung theo quy định.

   Quyết định của Chủ tịch Trung tâm theo khoản 2 Điều này không làm ảnh hưởng đến thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài trong việc xem xét và quyết định về thẩm quyền của chính mình. Quyết định của Chủ tịch Trung tâm không chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu

gộp tại khoản 2 Điều này không làm ảnh hưởng đến quyền của bất kỳ bên nào trong việc đề nghị Chủ tịch Trung tâm xem xét theo thủ tục gộp các vụ tranh chấp quy định tại Điều 17 của Quy tắc này.

Điều 7. Đơn khởi kiện

1. Nguyên đơn phải làm Đơn khởi kiện và gửi cho Trung tâm.
2. Đơn khởi kiện phải có các nội dung sau đây:
   a) Ngày, tháng, năm làm Đơn khởi kiện;
   b) Tên, địa chỉ của các bên;
   c) Tóm tắt nội dung của vụ tranh chấp;
   d) Cơ sở khởi kiện;
   đ) Các yêu cầu khởi kiện cụ thể của Nguyên đơn và trị giá tranh chấp của Đơn khởi kiện;
   e) Tên của người được Nguyên đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại khoản 1 Điều 13 hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên duy nhất theo quy định tại Điều 14 của Quy tắc này;
   g) Trường hợp khởi kiện từ nhiều hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều 6 của Quy tắc này, Nguyên đơn phải trình bày các yếu tố nêu tại khoản 2 Điều 6 của Quy tắc này trong Đơn khởi kiện;
   h) Thông tin về thỏa thuận tài trợ tố tụng (nếu có);
   i) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là cá nhân.
3. Kèm theo Đơn khởi kiện phải có thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.
4. Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc này.
5. Sau khi rà soát Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, Trung tâm có quyền bằng văn bản yêu cầu Nguyên đơn sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện để đảm bảo phù hợp với các nội dung theo khoản 2 Điều 7 hoặc theo khoản 3 Điều 6 của Quy tắc này.
   a) Trường hợp Nguyên đơn thực hiện các yêu cầu của Trung tâm trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì ngày bắt đầu tố tụng trọng tài là ngày Trung tâm nhận Đơn khởi kiện đầu tiên.
   b) Trường hợp Nguyên đơn không thực hiện yêu cầu của Trung tâm trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì được coi là rút Đơn khởi kiện, nhưng không ảnh hưởng tới quyền

của Nguyên đơn được nộp lại Đơn khởi kiện.

Điều 8. Gửi Thông báo và Đơn khởi kiện

Trừ các quy định về thời hạn tại khoản 3 Điều 6 của Quy tắc này hoặc các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm nhận được Đơn khởi kiện phù hợp với khoản 2 Điều 7 của Quy tắc này, thỏa thuận trọng tài, các tài liệu khác có liên quan và phí trọng tài theo quy định tại các Điều 39 và Điều 40 của Quy tắc này, Trung tâm gửi cho Bị đơn Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.

Điều 9. Bản tự bảo vệ

1. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan, Bị đơn phải gửi cho Trung tâm Bản tự bảo vệ.
2. Bản tự bảo vệ phải có các nội dung sau đây:
   a) Ngày, tháng, năm làm Bản tự bảo vệ;
   b) Tên, địa chỉ của Bị đơn;
   c) Cơ sở tự bảo vệ;
   d) Tên của người được Bị đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên duy nhất theo quy định tại Điều 14 của Quy tắc này;
   đ) Ý kiến về sự tồn tại, hiệu lực và khả năng thực hiện của thỏa thuận trọng tài (nếu có);
   e) Thông tin về thỏa thuận tài trợ tố tụng (nếu có);
   g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là cá nhân.
3. Trong trường hợp Bị đơn cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Bị đơn phải nêu rõ trong Bản tự bảo vệ và nộp ý kiến phản đối trong thời hạn theo quy định tại Điều này. Nếu Bị đơn không đưa ra phản đối trong thời hạn thì mất quyền phản đối.
4. Trung tâm có quyền gia hạn thời hạn gửi Bản tự bảo vệ khi có yêu cầu của Bị đơn. Khi Hội đồng Trọng tài đã được thành lập, Trung tâm xem xét và quyết định về yêu cầu gia hạn thời

hạn nộp Bản tự bảo vệ sau khi tham vấn ý kiến của Hội đồng Trọng tài. Yêu cầu gia hạn phải được

lập bằng văn bản và phải gửi để Trung tâm nhận được trước khi hết thời hạn gửi Bản tự bảo vệ hoặc trước khi hết thời hạn gia hạn gửi Bản tự bảo vệ.

5. Trong trường hợp có phản đối theo khoản 3 Điều này hoặc có yêu cầu gia hạn thời hạn gửi Bản tự bảo vệ theo khoản 4 Điều này, Bị đơn vẫn phải chọn Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều này.
6. Bản tự bảo vệ và các tài liệu có liên quan phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc này.
7. Tố tụng trọng tài vẫn được tiến hành kể cả khi Bị đơn không gửi Bản tự bảo vệ.
8. Bị đơn có quyền kiện lại Nguyên đơn về những vấn đề có liên quan đến vụ tranh chấp.

Điều 10. Đơn kiện lại

1. Đơn kiện lại phải căn cứ vào thỏa thuận trọng tài mà dựa vào đó Nguyên đơn đã khởi kiện Bị đơn. Đơn kiện lại phải bằng văn bản riêng, độc lập với Bản tự bảo vệ. Đơn kiện lại phải được gửi cho Trung tâm cùng thời điểm gửi Bản tự bảo vệ.
2. Đơn kiện lại phải có các nội dung sau đây:

   a) Ngày, tháng, năm làm Đơn kiện lại;

   b) Tên, địa chỉ của các bên;

   c) Tóm tắt nội dung tranh chấp;

   d) Cơ sở kiện lại;

   đ) Các yêu cầu kiện lại cụ thể của Bị đơn và trị giá tranh chấp của Đơn kiện lại;

   e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là cá nhân.

3. Đơn kiện lại và các tài liệu có liên quan phải được gửi đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc này.
4. Sau khi rà soát Đơn kiện lại và các tài liệu kèm theo, Trung tâm có quyền bằng văn bản yêu cầu Bị đơn việc sửa đổi, bổ sung Đơn kiện lại để đảm bảo các nội dung theo khoản 2 Điều này.

   Trường hợp Bị đơn thực hiện theo các yêu cầu của Trung tâm trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì ngày nộp Đơn kiện lại của Bị đơn là ngày Trung tâm nhận Đơn kiện lại đầu tiên.

Trường hợp Bị đơn không thực hiện theo yêu cầu của Trung tâm trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì được coi là rút Đơn kiện lại, nhưng không ảnh hưởng tới quyền của Bị đơn nộp đơn khởi kiện trong một vụ tranh chấp khác.

5. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn kiện lại phù hợp với khoản 2 Điều này, các tài liệu có liên quan và phí trọng tài quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Quy tắc này, Trung tâm gửi cho Nguyên đơn Thông báo, Đơn kiện lại và các tài liệu có liên quan.
6. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo, Đơn kiện lại và các tài liệu có liên quan, Nguyên đơn phải gửi cho Trung tâm Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại.

   Căn cứ vào tình tiết cụ thể của vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài hoặc Trung tâm, nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, có quyền gia hạn thời hạn gửi Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại khi có yêu cầu gia hạn của Nguyên đơn.

   Yêu cầu gia hạn phải được lập bằng văn bản và phải gửi để Trung tâm nhận được trước khi hết thời hạn gửi Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại hoặc trước khi hết thời hạn gia hạn gửi Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại.

7. Việc giải quyết Đơn kiện lại do Hội đồng Trọng tài giải quyết Đơn khởi kiện của Nguyên đơn thực hiện.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI

Điều 11. Các quy định chung về thành lập Hội đồng Trọng tài

1. Vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất, trừ khi các bên có thỏa thuận khác về số lượng Trọng tài viên. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về số lượng Trọng tài viên thì vụ tranh chấp được giải quyết bởi Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên.
2. Các bên có quyền chọn Trọng tài viên theo quy định của Quy tắc này. Người được chọn phải đáp ứng tiêu chuẩn Trọng tài viên theo quy định của pháp luật trọng tài và Phụ lục I của Quy tắc này. Trung tâm có quyền yêu cầu một bên cung cấp thông tin của Trọng tài viên được mình chọn.
3. Trường hợp các bên có thỏa thuận về thủ tục thành lập Hội đồng Trọng tài nhưng thủ tục đó không đầy đủ, gây khó khăn cho việc thành lập Hội đồng Trọng tài, hoặc thủ tục đó gây ra bất bình đẳng nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên và điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu lực và khả năng thi hành của Phán quyết trọng tài thì Chủ tịch Trung tâm sau khi tham vấn các bên, có quyền áp dụng các quy định tương ứng của các Điều 13 và

Điều 14 của Quy tắc này để thành lập Hội đồng Trọng tài.

4. Khi ra các Quyết định chỉ định Trọng tài viên theo Quy tắc này, Chủ tịch Trung tâm cân nhắc các tiêu chuẩn Trọng tài viên theo quy định của Quy tắc này và theo thỏa thuận của các bên (nếu có).

Điều 12. Các quy định chung đối với Trọng tài viên

1. Trong toàn bộ quá trình tố tụng trọng tài, Trọng tài viên phải tuân thủ Quy tắc đạo đức Trọng tài viên do Trung tâm ban hành; phải luôn độc lập, vô tư và khách quan; không được hành động như là luật sư của Nguyên đơn hay của Bị đơn; không được gặp riêng hoặc liên lạc riêng với các bên hoặc đại diện, luật sư của các bên để trao đổi các vấn đề liên quan đến vụ tranh chấp.
2. Khi được thông báo về việc được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên, người được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên phải từ chối làm Trọng tài viên nếu tự thấy mình thuộc một trong các trường hợp tại khoản 3 Điều này.

   Khi chấp nhận làm Trọng tài viên, người được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên phải công khai và thông báo kịp thời cho Trung tâm về những tình tiết có thể ảnh hưởng đến tính độc lập, vô tư và khách quan của mình bằng việc rà soát và ký vào Bản tuyên bố Trọng tài viên của Trung tâm.

   Trong toàn bộ quá trình tố tụng trọng tài, Trọng tài viên tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công khai nêu trên theo các hướng dẫn trong Bản tuyên bố Trọng tài viên. Trung tâm sẽ thông báo cho các bên thông tin công khai của Trọng tài viên và ấn định thời hạn để các bên có ý kiến đối với thông tin đó.

3. Người được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên, người đang làm Trọng tài viên phải từ chối giải quyết tranh chấp trong các trường hợp sau:
   a) Thuộc một trong các trường hợp không được làm Trọng tài viên theo quy định của pháp luật trọng tài;
   b) Không đáp ứng tiêu chuẩn Trọng tài viên theo quy định của pháp luật trọng tài;
   c) Không đáp ứng tiêu chuẩn Trọng tài viên theo quy định tại Phụ lục I của Quy tắc này;

d) Là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên;

đ) Có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp;

e) Có căn cứ rõ ràng cho thấy Trọng tài viên không vô tư, không độc lập hoặc không khách quan;

g) Đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của bất kỳ bên nào trước khi đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại trọng tài, trừ trường hợp được các bên chấp thuận bằng văn bản.

Điều 13. Thành lập Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc thành lập Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên được quy định như sau:

1. Nguyên đơn phải chọn một Trọng tài viên hoặc đề nghị Chủ tịch Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên. Trong trường hợp có nhiều Nguyên đơn thì các Nguyên đơn phải thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc thống nhất đề nghị Chủ tịch Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên.
2. Bị đơn phải chọn một Trọng tài viên hoặc đề nghị Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên và phải thông báo cho Trung tâm để Trung tâm nhận được trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo Điều 8 của Quy tắc này.

   Trong trường hợp có nhiều Bị đơn thì các Bị đơn phải thống nhất chọn một Trọng tài viên hoặc thống nhất đề nghị Chủ tịch Trung tâm chỉ định một Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bị đơn cuối cùng nhận được hoặc được coi là đã nhận thông báo theo Điều 8 của Quy tắc này và phải thông báo cho Trung tâm để Trung tâm nhận được trong thời hạn 30 ngày này.

   Nếu Trung tâm không nhận được thông báo của Bị đơn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bị đơn nhận được hoặc được coi là đã nhận được Thông báo theo Điều 8 của Quy tắc này, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Bị đơn.
3. Khi có yêu cầu của Nguyên đơn hoặc Bị đơn về việc Chủ tịch Trung tâm chỉ định Trọng tài viên theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm nhận được yêu cầu và nhận đủ phí trọng tài theo khoản 1 Điều 40 của Quy tắc này, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định một Trọng tài viên thay cho Nguyên đơn hoặc Bị đơn.

Trong trường hợp Nguyên đơn khởi kiện gộp theo điểm b khoản 1 Điều 6 của Quy tắc này và Chủ tịch Trung tâm không chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu gộp của Nguyên đơn, nếu Nguyên đơn có yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định Trọng tài viên thay cho Nguyên đơn trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Trung tâm nhận được Đơn khởi kiện sửa đổi theo khoản 3 Điều 6 của Quy tắc này.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Trọng tài viên được Bị đơn chọn hoặc được Chủ tịch Trung tâm chỉ định thay cho Bị đơn nhận được thông báo về việc được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên, các Trọng tài viên thống nhất bầu Chủ tịch Hội đồng Trọng tài và thông báo cho Trung tâm. Người được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài phải đáp ứng các tiêu chuẩn Trọng tài viên theo quy định của pháp luật trọng tài và Phụ lục I của Quy tắc này và Trung tâm có quyền yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan của người này. Nếu hết thời hạn 15 ngày nêu trên mà việc bầu không thực hiện được hoặc Trung tâm không nhận được thông báo, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định Chủ tịch Hội đồng Trọng tài. Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng Trọng tài do Chủ tịch Trung tâm chỉ định.
5. Trước thời điểm Hội đồng Trọng tài được thành lập, nếu có yêu cầu thay đổi Trọng tài viên hoặc thông báo từ chối giải quyết vụ tranh chấp của Trọng tài viên theo quy định tại Điều 15 của Quy tắc này, việc thành lập Hội đồng Trọng tài phải tạm dừng.

   Trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Trung tâm về việc thay đổi Trọng tài viên nêu trên, việc thành lập Hội đồng Trọng tài được tiếp tục trong thời hạn do Trung tâm ấn định.
6. Trước thời điểm Hội đồng Trọng tài được thành lập, nếu có yêu cầu của một bên hoặc các bên về gộp các vụ tranh chấp theo quy định tại Điều 17 hoặc bổ sung bên tranh chấp theo quy định tại Điều 18 của Quy tắc này, việc thành lập Hội đồng Trọng tài phải tạm dừng.

   Trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Trung tâm đối với yêu cầu nêu trên, Trung tâm yêu cầu các bên chọn Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên và thông báo cho Trung tâm trong thời hạn do Trung tâm ấn định. Trường hợp Trung tâm không nhận được thông báo nêu trên, Chủ tịch Trung tâm chỉ định Trọng tài viên thay cho các bên. Việc bầu hoặc chỉ định Chủ tịch Hội đồng Trọng tài được thực hiện trong các thời hạn do Trung tâm ấn định.
7. Trước thời điểm Hội đồng Trọng tài được thành lập, nếu có yêu cầu của một bên hoặc các bên về việc áp dụng Thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Quy tắc này, việc thành lập Hội đồng Trọng tài phải tạm dừng.

Trường hợp Chủ tịch Trung tâm chấp nhận áp dụng Thủ tục rút gọn, thủ tục thành lập Hội đồng Trọng tài được thực hiện theo các quy định tại Điều 24 và Phụ lục II của Quy tắc này. Trường hợp Chủ tịch Trung tâm không chấp nhận áp dụng Thủ tục rút gọn, việc thành lập Hội đồng Trọng tài được tiếp tục thực hiện trong các thời hạn do Trung tâm ấn định.

Điều 14. Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc thành lập Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất được thực hiện như sau:

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bị đơn nhận được hoặc được coi là đã nhận Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan, các bên phải thống nhất chọn Trọng tài viên duy nhất hoặc thống nhất yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên duy nhất và phải thông báo cho Trung tâm. Trong trường hợp có nhiều Bị đơn thì thời hạn 30 ngày này tính từ ngày Bị đơn cuối cùng nhận được hoặc được coi là đã nhận Thông báo theo Điều 8 của Quy tắc này.
2. Trong trường hợp Trung tâm không nhận được thông báo của các bên trong thời hạn 30 ngày theo khoản 1 Điều này, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định Trọng tài viên duy nhất.
3. Trước thời điểm Trọng tài viên duy nhất được chọn hoặc chỉ định theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, nếu có yêu cầu của một bên hoặc các bên về gộp các vụ tranh chấp theo quy định tại Điều 17 hoặc bổ sung bên tranh chấp theo quy định tại Điều 18 của Quy tắc này, việc thành lập Hội đồng Trọng tài phải tạm dừng.

   Trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Trung tâm đối với yêu cầu nêu trên, Trung tâm yêu cầu các bên thống nhất chọn Trọng tài viên duy nhất hoặc thống nhất yêu cầu Trung tâm chỉ

   định Trọng tài viên duy nhất và thông báo cho Trung tâm trong thời hạn do Trung tâm ấn định. Trường hợp Trung tâm không nhận được thông báo nêu trên, Chủ tịch Trung tâm chỉ định Trọng tài viên duy nhất thay cho các bên trong thời hạn do Trung tâm ấn định.

4. Trước thời điểm Hội đồng Trọng tài được thành lập, nếu có yêu cầu về việc áp dụng Thủ tục rút gọn của một bên hoặc các bên theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Quy tắc này, việc thành lập Hội đồng Trọng tài phải tạm dừng.

   Trường hợp Chủ tịch Trung tâm chấp nhận áp dụng Thủ tục rút gọn, thủ tục thành lập Hội đồng Trọng tài được thực hiện theo các quy định tại Điều 24 và Phụ lục II của Quy tắc này. Trường hợp Chủ tịch Trung tâm không chấp nhận áp dụng Thủ tục rút gọn, việc bầu hoặc chỉ định Trọng tài viên duy nhất được tiếp tục thực hiện trong các thời hạn do Trung tâm

ấn định.

Điều 15. Thay đổi Trọng tài viên

1. Trong quá trình tố tụng trọng tài, Trọng tài viên phải từ chối giải quyết vụ tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu thay đổi Trọng tài viên nếu Trọng tài viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy tắc này.
2. Thông báo từ chối giải quyết vụ tranh chấp của Trọng tài viên, Đơn yêu cầu thay đổi Trọng tài viên của một bên hoặc các bên phải được gửi cho Trung tâm.

   Cùng với Đơn yêu cầu thay đổi Trọng tài viên, bên yêu cầu phải cung cấp các chứng cứ, tài liệu thể hiện Trọng tài viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy tắc này và nộp phí cho yêu cầu thay đổi Trọng tài viên theo quy định của Trung tâm tại thời điểm nộp Đơn yêu cầu.

3. Nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch Trung tâm quyết định. Nếu Hội đồng Trọng tài đã được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài quyết định trong thời hạn do Trung tâm ấn định. Nếu các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài không quyết định được thì Chủ tịch Trung tâm quyết định. Trong các trường hợp khác, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch Trung tâm quyết định.

   Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất, việc thay đổi Trọng tài viên duy nhất do Chủ tịch Trung tâm quyết định.

   Quyết định của các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm về việc thay đổi Trọng tài viên có thể không nêu căn cứ ra quyết định. Quyết định này là cuối cùng.

4. Trong trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm quyết định thay đổi Trọng tài viên, Trọng tài viên thay thế được chọn hoặc được chỉ định theo các quy định tại Điều 13 hoặc Điều 14 của Quy tắc này hoặc được Chủ tịch Trung tâm chỉ định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định thay đổi Trọng tài viên để đảm bảo tố tụng trọng tài được tiến hành nhanh chóng và hiệu quả. Các bên không được chọn Trọng tài viên đã bị thay đổi, Chủ tịch Trung tâm không được chỉ định Trọng tài viên đã bị thay đổi.

Trường hợp các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm quyết định không thay đổi Trọng tài viên thì Trọng tài viên phải tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp.

5. Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài có thể ấn định các chi phí phát sinh từ việc thay đổi Trọng tài viên và quyết định một bên hoặc các bên phải chịu chi phí đó.
6. Trong trường hợp Trọng tài viên chết hoặc vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà không thể tiếp tục tham gia giải quyết vụ tranh chấp thì việc chọn hoặc chỉ định Trọng tài viên thay thế được thực hiện theo quy định tại Điều 13 hoặc Điều 14 của Quy tắc này đối với Thủ tục thông thường, hoặc theo quy định tại Phụ lục II của Quy tắc này đối với Thủ tục rút gọn.
7. Sau khi tham khảo ý kiến của các bên, Hội đồng Trọng tài mới được thành lập có thể xem xét lại những vấn đề đã được đưa ra tại các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trước đó.

CHƯƠNG IV. TIẾN HÀNH TỐ TỤNG TRỌNG TÀI

Điều 16. Tiến hành tố tụng trọng tài

1. Trên cơ sở các quy định của Quy tắc này và pháp luật trọng tài, Hội đồng Trọng tài có quyền tiến hành tố tụng trọng tài theo cách thức mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp. Hội đồng Trọng tài phải tiến hành tố tụng trọng tài công bằng và khách quan, nhanh chóng và hiệu quả.
2. Ngay sau khi được thành lập, nếu xét thấy cần thiết, Hội đồng Trọng tài có thể, tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, tổ chức cuộc họp quản lý vụ tranh chấp với các bên để thảo luận về trình tự, thủ tục tố tụng của vụ tranh chấp.
3. Cuộc họp quản lý vụ tranh chấp có thể được tổ chức trực tiếp, trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc bất kỳ hình thức nào mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp.
4. Tại cuộc họp quản lý vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài có thể tham vấn ý kiến các bên về các vấn đề tố tụng bao gồm luật áp dụng, ngôn ngữ trọng tài, địa điểm trọng tài, việc cung cấp tài liệu chứng cứ, lịch biểu tố tụng và các vấn đề tố tụng khác mà Hội đồng Trọng tài thấy cần thiết. Ngoài những vấn đề nêu trên, Hội đồng Trọng tài có thể khuyến nghị các bên về khả năng hòa giải vụ tranh chấp, bao gồm thực hiện thủ tục hòa giải tại Trung tâm Hòa giải Đại Nam (ICAC).
5. Hội đồng Trọng tài có quyền ra quyết định về các vấn đề tố tụng, lịch biểu tố tụng cho quá trình tố tụng trọng tài trong hoặc ngay sau cuộc họp quản lý vụ tranh chấp, hoặc sau khi

trao đổi với các bên bằng các hình thức khác. Hội đồng Trọng tài có quyền điều chỉnh các thời hạn được nêu trong lịch biểu tố tụng nếu xét thấy cần thiết.

6. Tại cuộc họp quản lý vụ tranh chấp hoặc tại bất kỳ giai đoạn thích hợp nào của tố tụng trọng tài, Hội đồng Trọng tài có thể thảo luận với các bên về việc sử dụng công cụ công nghệ thông tin trong tố tụng trọng tài, bao gồm các công cụ được hỗ trợ hoặc tích hợp trí tuệ nhân tạo.
7. Trong trường hợp một bên tham gia vào một thỏa thuận tài trợ tố tụng, bên được tài trợ phải công khai thông tin cho Trung tâm và Hội đồng Trọng tài về sự việc này tại Đơn khởi kiện, Bản tự bảo vệ hoặc trong thời gian sớm nhất có thể ngay sau khi bên đó có thỏa thuận tài trợ tố tụng. Thông tin công khai bao gồm tên và địa chỉ liên lạc của bên tài trợ tố tụng.

   Ngoài các thông tin các bên đã công khai, Hội đồng Trọng tài, sau khi cân nhắc ý kiến của các bên, có thẩm quyền yêu cầu công khai bổ sung các thông tin trong thỏa thuận tài trợ tố tụng.

Điều 17. Gộp các vụ tranh chấp

1. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Chủ tịch Trung tâm xem xét, quyết định việc gộp hay không gộp các vụ tranh chấp trong các trường hợp sau:
   a) Tất cả các bên có thỏa thuận gộp các vụ tranh chấp;
   b) Tất cả các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kiện lại trong các vụ tranh chấp cùng được lập trên cơ sở một thỏa thuận trọng tài; hoặc
   c) Tất cả các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kiện lại trong các vụ tranh chấp được lập trên cơ sở nhiều thỏa thuận trọng tài và các thỏa thuận trọng tài tương thích với nhau,

      và các tranh chấp phát sinh từ cùng một hoặc nhiều quan hệ pháp luật hoặc từ cùng một giao dịch hay chuỗi giao dịch liên quan.

   Khi xem xét và quyết định việc gộp các vụ tranh chấp, Chủ tịch Trung tâm cân nhắc các tình tiết và các yếu tố có liên quan khác. Các tình tiết và yếu tố này có thể bao gồm quá trình thành lập của các Hội đồng Trọng tài, sự tương đồng trong thành phần Hội đồng Trọng tài của các vụ tranh chấp đó và tính hiệu quả của việc giải quyết tranh chấp.
2. Yêu cầu gộp các vụ tranh chấp tại khoản 1 Điều này được lập thành văn bản và phải có các nội dung sau đây:
   a. Ngày, tháng, năm của văn bản yêu cầu;

b. Tên, địa chỉ liên hệ, người đại diện của Nguyên đơn, Bị đơn;

c. Mã các vụ tranh chấp được yêu cầu gộp; tóm tắt nội dung của các vụ tranh chấp và tóm tắt các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và yêu cầu kiện lại của Bị đơn (nếu có);

d. Trình bày căn cứ và sự cần thiết của yêu cầu gộp các vụ tranh chấp theo khoản 1 Điều này;

đ) Thỏa thuận trọng tài được viện dẫn và nêu rõ sự tương thích của các thỏa thuận trọng tài (nếu có);

e) Ý kiến về việc thành lập Hội đồng Trọng tài trong trường hợp Đơn yêu cầu được chấp thuận, trong đó nêu rõ ý kiến về việc đồng ý hoặc không đồng ý giữ nguyên các Trọng tài viên đã được chọn hoặc chỉ định và thành phần Hội đồng Trọng tài;

g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền, trong trường hợp là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp là cá nhân.

Trong trường hợp cần thiết, Trung tâm có thể yêu cầu một bên hoặc các bên giải thích, cung cấp bổ sung tài liệu trước khi Chủ tịch Trung tâm quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận theo khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Trung tâm xem xét và quyết định chấp nhận một phần hoặc toàn bộ, hoặc không chấp nhận yêu cầu nêu tại khoản 2 Điều này. Quyết định của Chủ tịch Trung tâm không ảnh hưởng đến thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài trong việc xem xét và quyết định về thẩm quyền của chính mình.
4. Trong trường hợp Chủ tịch Trung tâm quyết định chấp nhận gộp một phần hoặc toàn bộ các vụ tranh chấp, các vụ tranh chấp được gộp vào vụ tranh chấp có tố tụng trọng tài bắt đầu đầu tiên, trừ khi các bên có thỏa thuận khác hoặc Chủ tịch Trung tâm quyết định khác.
5. Trong trường hợp yêu cầu được chấp nhận, bên nào không có cơ hội chọn hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên thì được coi là từ bỏ quyền này, nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền yêu cầu thay đổi Trọng tài viên theo Điều 15 của Quy tắc này.
6. Trên cơ sở Quyết định của Chủ tịch Trung tâm theo khoản 3 Điều này, Trung tâm có thể tính lại phí trọng tài và yêu cầu các bên nộp phí trọng tài bổ sung theo quy định của Trung tâm.

Điều 18. Bổ sung bên tranh chấp

1. Một bên của vụ tranh chấp có thể yêu cầu bổ sung một hoặc nhiều Nguyên đơn, một hoặc nhiều Bị đơn tham gia vào vụ tranh chấp trong các trường hợp sau đây:
    a) Tất cả các bên, bao gồm cả bên được bổ sung, đồng ý bằng văn bản cho phép bên được bổ sung tham gia tố tụng trọng tài; hoặc
    b) Bên được bổ sung bị ràng buộc bởi thỏa thuận trọng tài mà Nguyên đơn hoặc Bị đơn đã viện dẫn trong vụ tranh chấp hiện có.
2. Yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này được lập bằng văn bản bởi Nguyên đơn hoặc Bị đơn và phải có các nội dung sau đây:
    a) Ngày, tháng, năm của văn bản yêu cầu;
    b) Tên, địa chỉ liên hệ, người đại diện của các bên (bao gồm Nguyên đơn, Bị đơn và bên được bổ sung);
    c) Mã vụ tranh chấp đang có yêu cầu bổ sung bên tranh chấp; tóm tắt nội dung của vụ tranh chấp;
    d) Căn cứ và sự cần thiết của việc bổ sung bên tranh chấp; xác định bên được bổ sung vào vụ tranh chấp là Nguyên đơn hay Bị đơn;

    đ) Nội dung thỏa thuận trọng tài được xác lập giữa các bên, kể cả bên được bổ sung (nếu có);

    e) Các yêu cầu khởi kiện, kiện lại của mỗi bên tranh chấp, bao gồm cả các yêu cầu khởi kiện, kiện lại đối với bên được yêu cầu bổ sung (nếu có) trong vụ tranh chấp;

    g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền, trong trường hợp là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp là cá nhân.
3. Kèm theo văn bản yêu cầu phải có thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Trung tâm có thể yêu cầu một bên hoặc các bên giải thích, cung cấp bổ sung tài liệu trước khi yêu cầu bổ sung bên tranh chấp được quyết định theo khoản 4 Điều này.

4. Sau khi bên yêu cầu nộp phí theo thông báo của Trung tâm, Hội đồng Trọng tài hoặc Chủ tịch Trung tâm, nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, xem xét và quyết định chấp nhận một phần hoặc toàn bộ, hoặc không chấp nhận yêu cầu bổ sung bên tranh chấp. Khi xem xét yêu cầu, Chủ tịch Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài cân nhắc ý kiến của các bên (nếu có) và các yếu tố liên quan, bao gồm diễn biến của tố tụng trọng tài và các ảnh hưởng nếu bên được bổ sung tham gia vào vụ tranh chấp.
5. Quyết định của Chủ tịch Trung tâm về việc không chấp nhận yêu cầu theo khoản 2 Điều này không ảnh hưởng đến quyền của bất kỳ bên nào trong vụ tranh chấp được nộp lại yêu cầu đó cho Hội đồng Trọng tài để Hội đồng Trọng tài xem xét và quyết định.
6. Quyết định của Chủ tịch Trung tâm hoặc của Hội đồng Trọng tài theo khoản 4 Điều này không ảnh hưởng đến thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài trong việc xem xét và quyết định về thẩm quyền của chính mình.
7. Trong trường hợp yêu cầu được chấp nhận, bên nào không có cơ hội chọn hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên thì được coi là từ bỏ quyền này, nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền yêu cầu thay đổi Trọng tài viên theo Điều 15 của Quy tắc này.
8. Trường hợp yêu cầu được chấp nhận theo khoản 4 Điều này, các bên trong vụ tranh chấp được quyền sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại và Bản tự bảo vệ. Hội đồng Trọng tài, hoặc Trung tâm nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, căn cứ vào các quy định của Quy tắc để tạo điều kiện hợp lý cho các bên thực hiện các quyền này.

Điều 19. Luật áp dụng giải quyết vụ tranh chấp

1. Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp.
2. Đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật do các bên thỏa thuận, trong trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì Hội đồng Trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp nhất.
3. Hội đồng Trọng tài phải xem xét các điều khoản của hợp đồng để giải quyết vụ tranh chấp.
4. Trường hợp pháp luật áp dụng không có quy định cụ thể liên quan đến nội dung tranh chấp thì Hội đồng Trọng tài có thể áp dụng tập quán quốc tế để giải quyết tranh chấp.

Điều 20. Địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

1. Các bên có quyền thỏa thuận địa điểm giải quyết tranh chấp. Trường hợp không có thỏa thuận thì Hội đồng Trọng tài quyết định địa điểm mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp.
2. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp tại bất kỳ

nơi nào mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

Trong quá trình tố tụng trọng tài, Hội đồng Trọng tài có thể tổ chức các cuộc họp với các bên bằng hình thức và tại bất kỳ nơi nào mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp để tham vấn các bên về các vấn đề tố tụng.

Điều 21. Ngôn ngữ trọng tài

1. Đối với vụ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, ngôn ngữ trọng tài là tiếng Việt, trừ trường hợp tranh chấp mà ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
2. Đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc vụ tranh chấp trong đó có ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì ngôn ngữ trọng tài do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận, Hội đồng Trọng tài quyết định ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài, trên cơ sở cân nhắc các yếu tố có liên quan bao gồm ngôn ngữ của hợp đồng.
3. Nếu các bên cung cấp một tài liệu được lập bằng ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ trọng tài thì Hội đồng Trọng tài hoặc Trung tâm, nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, có quyền yêu cầu một bên hoặc các bên cung cấp bản dịch kèm theo.

Điều 22. Rút một phần hoặc toàn bộ Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại, Bản tự bảo vệ và Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại

1. Trước khi Hội đồng Trọng tài lập Phán quyết trọng tài, các bên có quyền rút một phần hoặc toàn bộ Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại. Việc rút Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại phải được lập thành văn bản với đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc này.
2. Trước thời điểm kết thúc phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp, một bên có thể sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại, Bản tự bảo vệ hoặc Bản tự bảo vệ đối với Đơn kiện lại. Việc sửa đổi, bổ sung phải được lập thành văn bản với đủ số bản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy tắc này. Hội đồng Trọng tài có quyền không chấp nhận các sửa đổi, bổ sung này nếu thấy rằng việc đó có thể bị lạm dụng nhằm gây khó khăn, trì hoãn việc ra Phán quyết trọng tài hoặc vượt quá phạm vi thỏa thuận trọng tài áp dụng cho vụ tranh chấp.

Điều 23. Cuộc họp giữa Trung tâm và các bên

1. Trong quá trình tố tụng trọng tài, để thực hiện chức năng tổ chức, điều phối hoạt động giải quyết tranh chấp, Trung tâm có thể tổ chức các cuộc họp với các bên để hướng dẫn hoặc tham vấn về các vấn đề thủ tục tố tụng của vụ tranh chấp và các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Trung tâm theo Quy tắc này. Cuộc họp có thể được tổ chức bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc bất kỳ hình thức phù

hợp khác.

2. Sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, Trung tâm tổ chức các cuộc họp nêu tại khoản 1 Điều này sau khi đã thông báo cho Hội đồng Trọng tài biết.

Điều 24. Thủ tục rút gọn

1. Đối với các vụ tranh chấp có thỏa thuận trọng tài xác lập trước ngày Quy tắc này có hiệu lực, Thủ tục rút gọn quy định tại Điều này và Phụ lục II của Quy tắc này được áp dụng nếu các bên đồng ý trước khi Trung tâm thông báo về việc thành lập Hội đồng Trọng tài.
2. Đối với các vụ tranh chấp có thỏa thuận trọng tài xác lập sau ngày Quy tắc này có hiệu lực, bằng việc có thỏa thuận áp dụng Quy tắc này hoặc có thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Trung tâm, các bên được coi là đã thỏa thuận đồng ý áp dụng Thủ tục rút gọn theo quyết định áp dụng Thủ tục rút gọn của Chủ tịch Trung tâm quy định tại khoản 5 Điều này.
3. Tại bất kỳ thời điểm nào trước khi Trung tâm thông báo về việc Hội đồng Trọng tài được thành lập, một bên hoặc các bên có thể yêu cầu áp dụng Thủ tục rút gọn nếu tranh chấp giữa các bên thuộc một trong các trường hợp sau:
    a) Tổng trị giá các yêu cầu khởi kiện và các yêu cầu kiện lại (nếu có) không vượt quá mức trị giá giới hạn mà Trung tâm ấn định và công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Trung tâm ở thời điểm nộp Đơn khởi kiện;
    b) Các tình tiết liên quan của vụ tranh chấp phù hợp để tiến hành Thủ tục rút gọn;
    c) Các bên có thỏa thuận áp dụng Thủ tục rút gọn.
4. Trước khi quyết định áp dụng Thủ tục rút gọn, Trung tâm có thể tham vấn ý kiến của các bên trong vụ tranh chấp. Nếu một bên không đồng ý áp dụng Thủ tục rút gọn thì phải gửi ý kiến để Trung tâm nhận được trong thời hạn do Trung tâm ấn định.
5. Chủ tịch Trung tâm, tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, trên cơ sở cân nhắc các trường hợp tại điểm a, b và c khoản 3 của Điều này và ý kiến của một bên hoặc các bên (nếu có), ra quyết định áp dụng hoặc không áp dụng Thủ tục rút gọn đối với vụ tranh chấp.
6. Trường hợp Chủ tịch Trung tâm quyết định áp dụng Thủ tục rút gọn thì tố tụng trọng tài được tiến hành theo các quy định tại Điều này và Phụ lục II của Quy tắc này. Trường hợp Chủ tịch Trung tâm quyết định không áp dụng Thủ tục rút gọn, tố tụng trọng tài được tiến hành theo Thủ tục thông thường.
7. Thủ tục rút gọn sẽ không áp dụng nếu các bên có thỏa thuận rõ ràng bằng văn bản về việc loại trừ áp dụng Thủ tục rút gọn để giải quyết tranh chấp.

Điều 25. Thẩm quyền xác minh sự việc của Hội đồng Trọng tài

1. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Hội đồng Trọng tài có quyền gặp hoặc trao đổi

với một bên với sự tham gia của bên kia bằng các hình thức trực tiếp, trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc bất kỳ hình thức phù hợp khác để làm sáng tỏ các vấn đề có liên quan đến vụ tranh chấp.

2. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Hội đồng Trọng tài có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, tìm hiểu sự việc từ người thứ ba với sự có mặt của các bên hoặc sau khi đã thông báo cho các bên biết.

Điều 26. Thẩm quyền thu thập chứng cứ của Hội đồng Trọng tài

1. Các bên có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ cho Hội đồng Trọng tài để chứng minh các sự việc có liên quan đến nội dung vụ tranh chấp. Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ và các bên có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ.
2. Hội đồng Trọng tài có quyền xác định, xem xét và đánh giá tất cả các chứng cứ trong vụ tranh chấp.
3. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.

4. Hội đồng Trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, có quyền trưng cầu giám định, định giá tài sản trong vụ tranh chấp để làm căn cứ cho việc giải quyết tranh chấp.

   Chi phí giám định, chi phí định giá do bên yêu cầu giám định, định giá tạm ứng, hoặc do Hội đồng Trọng tài phân bổ. Trong mọi trường hợp, nếu chi phí giám định, chi phí định giá không được nộp đủ thì Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

5. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài, một bên hoặc các bên đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được thì có thể gửi văn

   bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được hoặc hiện vật khác liên quan đến vụ tranh chấp. Văn bản đề nghị phải nêu rõ nội dung vụ việc đang giải quyết tại trọng tài, chứng cứ cần thu thập, lý do không thu thập được, tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ chứng cứ cần thu thập đó.

   Trường hợp Hội đồng Trọng tài yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu một bên hoặc các bên tạm ứng chi phí phát sinh. Nếu chi phí này không được nộp đủ thì Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

Điều 27. Chuyên gia do Hội đồng Trọng tài chỉ định

1. Hội đồng Trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên hoặc các bên,có quyền tham vấn một hoặc nhiều chuyên gia về các vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ tranh chấp. Sau khi tham khảo ý kiến các bên, Hội đồng Trọng tài xác định các nội dung cần tham vấn chuyên gia, danh sách chuyên gia và các vấn đề khác có liên quan.
2. Hội đồng Trọng tài tham khảo ý kiến các bên về chi phí tham vấn chuyên gia. Chi phí tham vấn chuyên gia do bên yêu cầu tạm ứng hoặc do Hội đồng Trọng tài phân bổ. Trong mọi trường hợp, nếu chi phí tham vấn chuyên gia không được nộp đủ thì Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.
3. Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu một bên hoặc các bên cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến các vấn đề cần tham vấn chuyên gia để Trung tâm gửi cho chuyên gia.

   Theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài, một bên hoặc các bên có nghĩa vụ tạo điều kiện thuận lợi để chuyên gia tiếp cận các tài liệu, hàng hóa hoặc tài sản liên quan nhằm phục vụ cho việc chuẩn bị Báo cáo chuyên gia.

   Mọi khiếu nại của một bên về tính liên quan của các thông tin được yêu cầu cung cấp hoặc của việc tiếp cận các tài liệu, hàng hóa hoặc tài sản trong quá trình tham vấn chuyên gia sẽ được Hội đồng Trọng tài xem xét và quyết định.

4. Sau khi nhận được Báo cáo của chuyên gia, Trung tâm gửi cho Hội đồng Trọng tài và các bên để các bên đưa ra ý kiến về Báo cáo đó trong thời hạn do Hội đồng Trọng tài ấn định. Các bên có quyền yêu cầu chuyên gia giải thích, sửa chữa hoặc đính chính những lỗi soạn thảo, đánh máy, số liệu hoặc những lỗi tương tự.
5. Hội đồng Trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên có quyền mời chuyên gia tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp theo hình thức phù hợp. Tại phiên họp giải quyết vụ

   tranh chấp, các bên có quyền được đưa ra ý kiến và chất vấn chuyên gia về nội dung Báo cáo chuyên gia.

Điều 28. Thẩm quyền triệu tập người làm chứng của Hội đồng Trọng tài

1. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên và xét thấy cần thiết, Hội đồng Trọng tài có quyền triệu tập người làm chứng có mặt tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Chi phí cho người làm chứng do bên yêu cầu triệu tập người làm chứng chịu hoặc do Hội đồng Trọng tài phân bổ.

   Trường hợp người làm chứng đã được Hội đồng Trọng tài triệu tập hợp lệ mà không đến dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nhưng không có lý do chính đáng và việc vắng mặt

của họ gây khó khăn cho việc giải quyết vụ tranh chấp thì Hội đồng Trọng tài có thể gửi văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định triệu tập người làm chứng đến dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Văn bản đề nghị phải nêu rõ nội dung vụ tranh chấp đang được giải quyết; họ và tên, địa chỉ của người làm chứng; lý do cần triệu tập người làm chứng; thời gian, địa điểm người làm chứng cần phải có mặt.

3. Nếu người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt thì Hội đồng Trọng tài quyết định hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp hoặc vẫn tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

Điều 29. Thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng Trọng tài

1. Theo yêu cầu của một bên, Hội đồng Trọng tài có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với một hoặc các bên tranh chấp. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời bao gồm:
   a) Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp;
   b) Cấm hoặc buộc bất kỳ bên tranh chấp nào thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm ngăn ngừa các hành vi ảnh hưởng bất lợi đến quá trình tố tụng trọng tài;
   c) Kê biên tài sản đang tranh chấp;
   d) Yêu cầu bảo tồn, cất trữ, bán hoặc định đoạt bất kỳ tài sản nào của một bên hoặc các bên tranh chấp;
   đ) Yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên;
   e) Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.
2. Trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, bổ sung, hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Trong quá trình tố tụng trọng tài, nếu một trong các bên đã yêu cầu Tòa án áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại khoản 1 Điều này mà sau đó lại có đơn yêu cầu Hội đồng Trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Hội đồng Trọng tài phải từ chối và trả lại đơn yêu cầu. Bên yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải thông báo ngay cho Trung tâm biết về yêu cầu này.
4. Việc yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị coi là sự từ bỏ thỏa thuận trọng tài hoặc khước từ quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

CHƯƠNG V. PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN HÒA GIẢI THÀNH, PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI, QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ

Điều 30. Phiên họp giải quyết tranh chấp

1. Thời gian và địa điểm mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp do Hội đồng Trọng tài quyết định, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến, hoặc bất kỳ hình thức nào mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp.
2. Giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được Trung tâm gửi cho các bên chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên họp, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp hoãn phiên họp hoặc Hội đồng Trọng tài quyết định mở phiên họp tiếp theo, giấy triệu tập lần tiếp theo được Trung tâm gửi cho các bên chậm nhất là 10 ngày trước ngày mở phiên họp tiếp theo, trừ khi các bên có thỏa thuận khác hoặc Hội đồng Trọng tài quyết định khác.
3. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được tiến hành không công khai, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
4. Các bên có quyền mời người làm chứng, mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và phải thông báo cho Hội đồng Trọng tài trước ngày mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Hội đồng Trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên, có quyền mời tổ chức, cá nhân giám định, định giá tài sản và chuyên gia theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Quy tắc này tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Trong trường hợp có sự đồng ý của các bên, Hội đồng Trọng tài có thể cho phép những người khác tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp.
5. Tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, nếu thấy các bên không còn bất kỳ tài liệu hoặc chứng cứ có liên quan nào để cung cấp, Hội đồng Trọng tài tuyên bố phiên họp giải quyết vụ tranh chấp này là phiên họp cuối cùng. Sau khi kết thúc phiên họp cuối cùng, Hội đồng

   Trọng tài không có nghĩa vụ xem xét bất kỳ tài liệu hoặc chứng cứ bổ sung nào, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

Điều 31. Hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp

1. Nếu có lý do chính đáng, một bên hoặc các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Yêu cầu hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp phải

   được lập bằng văn bản, nêu rõ lý do, kèm theo chứng cứ và gửi cho Trung tâm. Hội đồng Trọng tài quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu hoãn, thời hạn hoãn

để Trung tâm thông báo kịp thời cho các bên.

2. Trong trường hợp Trung tâm không nhận được yêu cầu hoãn trước ngày mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp chậm nhất là 07 ngày làm việc thì bên yêu cầu hoãn phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan tới việc tổ chức phiên họp, bao gồm các chi phí của bên còn lại, của Hội đồng Trọng tài, của Trung tâm và các chi phí phát sinh khác. Việc xem xét và quyết định các chi phí này thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài.
3. Khi xét thấy có lý do chính đáng hoặc có trở ngại khách quan, Hội đồng Trọng tài có thể tự mình quyết định hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và thông báo cho Trung để Trung tâm thông báo kịp thời cho các bên.

Điều 32. Việc vắng mặt của các bên

1. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì được coi là đã rút Đơn khởi kiện. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài chỉ tiếp tục giải quyết tranh chấp khi Bị đơn có yêu cầu hoặc có Đơn kiện lại.
2. Trong trường hợp Bị đơn không có Đơn kiện lại và đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì Hội đồng Trọng tài vẫn tiếp tục giải quyết tranh chấp căn cứ vào tài liệu, chứng cứ hiện có.

   Trong trường hợp Bị đơn có Đơn kiện lại và đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp tâm

   giải quyết vụ tranh chấp nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì được coi là đã rút Đơn kiện lại.
2. Theo yêu cầu của các bên, Hội đồng Trọng tài có thể căn cứ vào hồ sơ để tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không cần sự có mặt của các bên tại phiên họp giải quyết

   vụ tranh chấp. Hội đồng Trọng tài vẫn tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp kể cả khi có yêu cầu vắng mặt của một bên.

Điều 33. Thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài

1. Hội đồng Trọng tài có thẩm quyền quyết định về thẩm quyền của chính mình, cho dù có phản đối về sự tồn tại hoặc hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài là một phần của hợp đồng được coi là một thỏa thuận độc lập với các điều khoản khác của hợp đồng. Quyết định của Hội đồng Trọng tài rằng hợp đồng vô hiệu không làm mất

hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

2. Trước khi xem xét nội dung của vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài phải xem xét sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài, hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét phạm vi thẩm quyền của mình cho dù có hay không có khiếu nại của một bên về các vấn đề này.

   Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng vụ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì Hội đồng Trọng tài phải kết luận có thẩm quyền và tiếp tục giải quyết nội dung vụ tranh chấp. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Hội đồng Trọng tài quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp.

3. Hội đồng Trọng tài có thể lập riêng Quyết định về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài hoặc quyết định vấn đề thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài trong Phán quyết trọng tài.
4. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu phát hiện Hội đồng Trọng tài vượt quá thẩm quyền, các bên có quyền khiếu nại với Hội đồng Trọng tài. Hội đồng Trọng tài phải xem xét và quyết định.

Điều 34. Hòa giải

Theo yêu cầu của các bên, Hội đồng Trọng tài tiến hành hòa giải. Khi các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết trong vụ tranh chấp thì Hội đồng Trọng tài lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên và chữ ký của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài ra Quyết định công nhận hòa giải thành. Quyết định công nhận hòa giải thành của Hội đồng Trọng tài là chung thẩm và có giá trị như Phán quyết trọng tài.

Điều 35. Nguyên tắc lập Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng Trọng tài

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên, Phán quyết trọng tài và các quyết định của Hội đồng Trọng tài được lập theo nguyên tắc đa số. Nếu không đạt được đa số, Phán quyết trọng tài và các quyết định của Hội đồng Trọng tài được lập theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

Điều 36. Phán quyết trọng tài

1. Phán quyết trọng tài phải được lập bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Ngày, tháng, năm và địa điểm lập Phán quyết trọng tài;
   b) Tên, địa chỉ của Nguyên đơn và Bị đơn;
   c) Họ, tên của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất;
   d) Tóm tắt Đơn khởi kiện, Đơn kiện lại (nếu có) và các vấn đề tranh chấp;

đ) Căn cứ lập Phán quyết trọng tài, trừ khi các bên thỏa thuận không cần nêu căn cứ trong

có quyền yêu cầu Trung tâm cấp thêm bản sao Phán quyết trọng tài và trả phí theo quy định của Trung tâm.

5. Phán quyết trọng tài là chung thẩm, ràng buộc các bên và có hiệu lực kể từ ngày lập.

Điều 37. Sửa chữa và giải thích Phán quyết trọng tài, lập Phán quyết trọng tài bổ sung

1. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài sửa chữa những lỗi rõ ràng về chính tả, lỗi in, lỗi đánh máy và các lỗi khác có bản chất tương tự, lỗi số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai trong Phán quyết trọng tài và phải thông báo ngay cho bên kia.

   Nếu Hội đồng Trọng tài thấy yêu cầu này là chính đáng và có bằng chứng về việc yêu cầu này đã được thông báo cho bên kia thì phải lập Quyết định sửa chữa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập Phán quyết trọng tài, Hội đồng Trọng tài có thể chủ động lập Quyết định sửa chữa các lỗi nêu tại khoản 1 Điều này và thông báo ngay cho các bên.
3. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài giải thích về điểm cụ thể hoặc phần nội dung của Phán quyết trọng tài và phải thông báo ngay cho bên kia. Nếu Hội đồng Trọng tài thấy yêu cầu này là chính đáng và có bằng chứng về việc yêu cầu này đã được thông báo cho bên kia thì phải lập Quyết định giải thích trong thời hạn 30 kể từ ngày nhận được yêu cầu.
4. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thời hạn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết trọng tài, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài lập Phán quyết trọng tài bổ sung đối với các yêu cầu đã được trình bày trong quá trình tố tụng trọng tài nhưng không được ghi trong Phán quyết trọng tài và phải thông báo ngay cho bên kia. Nếu Hội đồng Trọng tài thấy yêu cầu này là chính đáng và có bằng chứng về việc yêu cầu này đã được thông báo cho bên kia thì phải lập Phán quyết trọng tài bổ sung trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
5. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Trọng tài có thể gia hạn thời hạn sửa chữa, giải thích Phán quyết trọng tài hoặc lập Phán quyết trọng tài bổ sung theo quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này.
6. Quyết định sửa chữa, Quyết định giải thích hoặc Phán quyết trọng tài bổ sung là một phần của Phán quyết trọng tài và được Trung tâm gửi cho các bên sau khi lập.

Điều 38. Đình chỉ giải quyết tranh chấp

1. Vụ tranh chấp được đình chỉ giải quyết trong các trường hợp sau đây:
   a) Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền và nghĩa vụ của họ không được thừa kế; Nguyên đơn hoặc Bị đơn là tổ chức đã chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức mà không có tổ chức nào tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó;
   b) Nguyên đơn rút Đơn khởi kiện, trừ trường hợp Bị đơn có Đơn kiện lại;
   c) Nguyên đơn được coi là đã rút Đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Quy tắc này, trừ trường hợp Bị đơn có Đơn kiện lại hoặc yêu cầu tiếp tục giải

      quyết tranh chấp;

   d) Các bên thỏa thuận chấm dứt việc giải quyết tranh chấp;

   đ) Khi Hội đồng Trọng tài cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Quy tắc này;

   e) Khi có quyết định của Tòa án xác định vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được.

2. Hội đồng Trọng tài ra Quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập thì Chủ tịch Trung tâm ra Quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp.

CHƯƠNG VI. PHÍ TRỌNG TÀI

Điều 39. Phí trọng tài

Phí trọng tài gồm:

1. Chi phí để trả thù lao cho Trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp;
2. Chi phí hành chính của Trung tâm liên quan đến việc giải quyết vụ tranh chấp;
3. Chi phí đi lại, ở và các chi phí có liên quan khác của Trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp được quy định tại văn bản hướng dẫn của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm lập dự tính chi phí; chi phí cho các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài;
4. Chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí tham vấn ý kiến chuyên gia;
5. Chi phí sử dụng các dịch vụ tiện ích khác được cung cấp bởi Trung tâm.

Điều 40. Việc nộp phí trọng tài

1. Sau khi nộp Đơn khởi kiện, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Nguyên đơn phải nộp đủ các chi phí được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 39 của Quy tắc này, theo yêu cầu và Biểu phí trọng tài của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm nộp Đơn khởi kiện và trong thời hạn do Trung tâm ấn định.

   Nguyên đơn có thể yêu cầu gia hạn nộp phí trọng tài và phải gửi yêu cầu gia hạn để Trung tâm nhận được trước khi hết thời hạn nộp phí. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu gia hạn, Trung tâm chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản.

   Trong trường hợp Nguyên đơn không nộp đủ các chi phí này trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì được coi là rút Đơn khởi kiện nhưng không ảnh hưởng đến quyền của Nguyên đơn được nộp một Đơn khởi kiện mới.

2. Trong trường hợp có Đơn kiện lại, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Bị đơn phải nộp đủ các chi phí nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 39 của Quy tắc này theo yêu cầu và Biểu phí trọng tài của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm nộp Đơn kiện lại và trong thời hạn do Trung tâm ấn định.

   Bị đơn có thể yêu cầu gia hạn nộp phí trọng tài và phải gửi yêu cầu gia hạn để Trung tâm nhận được trước khi hết thời hạn nộp phí. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu gia hạn, Trung tâm chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản.

   Trong trường hợp Bị đơn không nộp đủ các chi phí này trong thời hạn do Trung tâm ấn định thì được coi là rút Đơn kiện lại.

3. Các chi phí nêu tại các khoản 3 và khoản 5 Điều 39 của Quy tắc này được tạm ứng theo yêu cầu của Trung tâm sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập. Trung tâm tham khảo ý kiến của Hội đồng Trọng tài để lập dự tính, quyết định một bên hoặc các bên phải tạm ứng các chi phí này và thông báo cho các bên biết. Trong thời hạn do Trung tâm ấn định, bên hoặc các bên được yêu cầu phải tạm ứng đủ các chi phí này, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Trung tâm có thể yêu cầu một bên tạm ứng thay cho bên kia để quá trình tố tụng trọng tài được tiếp tục. Nếu các chi phí này không được tạm ứng đủ thì Hội đồng Trọng tài tạm dừng việc giải quyết vụ tranh chấp theo yêu cầu của Trung tâm.
4. Các chi phí nêu tại khoản 4 Điều 39 của Quy tắc này được nộp theo yêu cầu của Trung tâm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 27 của Quy tắc này. Nếu các chi phí này không

được nộp đủ thì Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp trên cơ sở hồ sơ hiện có.

5. Các chi phí nêu tại khoản 3 và khoản 5 Điều 39 của Quy tắc này được Trung tâm tính và thông báo để Hội đồng Trọng tài phân bổ theo quy định tại Điều 41 của Quy tắc này.

   Trên cơ sở quyết định phân bổ của Hội đồng Trọng tài theo Điều 41 của Quy tắc này, nếu số tiền tạm ứng cao hơn chi phí thực tế thì Trung tâm hoàn trả số tiền còn dư. Nếu chi phí thực tế cao hơn số tiền tạm ứng thì các bên phải nộp bổ sung số tiền còn thiếu theo yêu cầu của Trung tâm.

   Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định của Hội đồng Trọng tài về việc phân bổ các chi phí nêu tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 39 của Quy tắc này, một bên có thể yêu cầu Trung tâm cung cấp thông tin chi tiết về các chi phí này.

Điều 41. Quyết định về phí trọng tài và các chi phí khác

1. Hội đồng Trọng tài phân bổ phí trọng tài, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
2. Các bên có thể đưa ra yêu cầu về chi phí pháp lý hoặc chi phí khác trong Đơn khởi kiện hoặc Đơn kiện lại. Hội đồng Trọng tài có quyền quyết định một bên phải trả toàn bộ hoặc một phần chi phí pháp lý hoặc chi phí hợp lý khác của bên kia.

CHƯƠNG VII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 42. Bảo mật

1. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác, phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, tố tụng trọng tài và hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ tranh chấp sẽ được bảo mật và không công khai.
2. Các trao đổi nội bộ Trung tâm, trao đổi giữa Trung tâm và Hội đồng Trọng tài, trao đổi giữa các thành viên Hội đồng Trọng tài liên quan tới việc giải quyết tranh chấp tại Trung tâm là các thông tin được bảo mật.
3. Các Trọng tài viên; nhân sự của Trung tâm bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ban Thư ký tố tụng và các nhân viên của Trung tâm; các bên, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ; người làm chứng, chuyên gia, người phiên dịch, giám định viên; và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan không được tiết lộ hoặc cung cấp bất kỳ thông tin hoặc tài liệu liên quan đến vụ tranh chấp cho bên thứ ba, trừ khi các bên có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Điều 43. Mất quyền phản đối

1. Trong quá trình tố tụng trọng tài, khi phát hiện các quy định của pháp luật trọng tài, quy tắc tố tụng trọng tài hoặc của thỏa thuận trọng tài không được tuân thủ, một bên hoặc

các bên có thể kiến nghị Hội đồng Trọng tài thực hiện các biện pháp cần thiết để Hội đồng Trọng tài xem xét, quyết định.

2. Trong quá trình tố tụng trọng tài, trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của pháp luật trọng tài, của quy tắc tố tụng trọng tài hoặc của thỏa thuận trọng tài thì phải đưa ra phản đối trong thời hạn cụ thể được quy định trong quy tắc hoặc nếu không có quy định thời hạn phản đối thì việc phản đối phải được đưa ra chậm nhất trước thời điểm Hội đồng

   Trọng tài tuyên bố phiên họp giải quyết vụ tranh chấp là phiên họp cuối cùng. Khi thực hiện quyền phản đối, các bên phải lập thành văn bản và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho phản đối của mình. Nếu việc phản đối không được đưa ra trong thời hạn này thì mất quyền phản đối tại Trọng tài hoặc tại Tòa án.

Điều 44. Giới hạn trách nhiệm

1. Các Trọng tài viên, Trung tâm, nhân sự của Trung tâm bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ban Cố vấn, Ban Thư ký tố tụng và các nhân viên của Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hành vi hoặc thiếu sót do bất cẩn nào liên quan tới nội dung hoặc thủ tục ban hành các quyết định, phán quyết, văn bản khác hoặc bất kỳ sai sót nào về thủ tục trong toàn bộ quá trình tố tụng trọng tài, ngoại trừ trường hợp có thể chứng minh rằng hành vi hoặc thiếu sót hoặc sai sót đó đã được thực hiện một cách gian dối, thiếu trung thực.
2. Sau khi Phán quyết trọng tài, Quyết định công nhận hòa giải thành, Quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp đã được ban hành hoặc Phán quyết trọng tài đã được sửa chữa, giải thích, bổ sung hoặc hết thời hạn yêu cầu giải thích, sửa chữa, bổ sung Phán quyết trọng tài, các bên được coi là đã đồng ý rằng các Trọng tài viên, Trung tâm, nhân sự của Trung tâm bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ban Cố vấn, Ban Thư ký tố tụng và các nhân viên của Trung tâm không có nghĩa vụ phải đưa ra bất kỳ tuyên bố, giải thích hay trả lời nào liên quan đến vụ tranh chấp. Trong mọi trường hợp, các bên từ bỏ quyền yêu cầu, đề nghị triệu tập, mời Trung tâm, Trọng tài viên, nhân sự của Trung tâm bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ban Cố vấn, Ban Thư ký tố tụng và các nhân viên của Trung tâm tham gia với bất kỳ vai trò nào trong bất kỳ thủ tục pháp lý tại Trọng tài hoặc Tòa án, thủ tục hành chính hoặc bất kỳ thủ tục nào khác liên quan đến vụ tranh chấp, trừ trường hợp luật có quy định khác.
3. Bằng việc lựa chọn Trung tâm và/hoặc Quy tắc của Trung tâm để giải quyết tranh chấp, các bên được coi là đã đồng ý rằng quy định về giới hạn trách nhiệm theo Điều này là công bằng và hợp lý; và các bên được coi là đã từ bỏ mọi quyền khiếu nại hoặc yêu cầu bồi thường

đối với Trọng tài viên, Trung tâm hoặc nhân sự của Trung tâm.

Điều 45. Các quy định chung

1. Trung tâm không tự mình giải quyết các vụ tranh chấp. Việc giải quyết các vụ tranh chấp được tiến hành bởi Hội đồng Trọng tài.
2. Chủ tịch Trung tâm có thẩm quyền giải thích bất kỳ quy định nào trong Quy tắc này. Hội đồng Trọng tài có thẩm quyền giải thích các quyết định hoặc các nội dung trong văn bản do Hội đồng Trọng tài ban hành. Đối với các vấn đề không được quy định trong Quy tắc này, Trung tâm và Hội đồng Trọng tài có quyền hành động theo tinh thần của Quy tắc này và nỗ lực giải quyết vụ tranh chấp một cách công bằng và hiệu quả, nhanh chóng và minh bạch.
3. Trong quá trình Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu huỷ Phán quyết trọng tài, một bên hoặc các bên có quyền kiến nghị Tòa án tạm đình chỉ xét đơn để Hội đồng Trọng tài thực hiện các biện pháp và thủ tục cần thiết theo quan điểm của Hội đồng Trọng tài nhằm loại bỏ căn cứ hủy bỏ Phán quyết trọng tài.
4. Ngoại trừ các quy định khác trong Quy tắc này, các quyết định của Trung tâm, Chủ tịch Trung tâm, Phó Chủ tịch Trung tâm, Tổng Thư ký và Ban Thư ký tố tụng về các vấn đề liên quan tới vụ tranh chấp sẽ là cuối cùng và có thể không cần nêu lý do.
5. Chủ tịch Trung tâm có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Trung tâm ra các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Trung tâm được quy định trong Quy tắc này.
6. Các Thành viên của Ban Thư ký tố tụng của Trung tâm được Chủ tịch Trung tâm ủy quyền thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm trong quá trình tố tụng trọng tài theo quy định của pháp luật trọng tài và Quy tắc này.
7. Trung tâm có thể ủy quyền cho Chi nhánh của Trung tâm thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm theo quy định của pháp luật trọng tài và Quy tắc này.

PHỤ LỤC I. TIÊU CHUẨN TRỌNG TÀI VIÊN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐẠI NAM

Điều 1. Quy định chung

1. Phụ lục này quy định các tiêu chuẩn mà người được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên phải đáp ứng để được làm Trọng tài viên giải quyết các vụ tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Đại Nam.
2. Người được chọn hoặc được chỉ định làm Trọng tài viên phải đáp ứng đầy đủ các tiêu

chuẩn Trọng tài viên theo quy định của pháp luật trọng tài và đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Phụ lục này.

Điều 2. Tiêu chuẩn về ngôn ngữ

1. Người được chọn hoặc chỉ định làm Trọng tài viên phải có cam kết bằng văn bản tự mình có đủ khả năng để giải quyết vụ tranh chấp bằng ngôn ngữ trọng tài một cách nhanh chóng và hiệu quả. Trong những trường hợp đặc biệt, người được chọn hoặc chỉ định làm Trọng tài viên phải cam kết bằng văn bản tự mình thu xếp biên, phiên dịch phù hợp.
2. Trường hợp tố tụng trọng tài sử dụng nhiều ngôn ngữ, người được chọn hoặc chỉ định làm Trọng tài viên phải có đủ khả năng giải quyết vụ tranh chấp bằng ít nhất một (01) ngôn ngữ trong số các ngôn ngữ trọng tài và phải cam kết bằng văn bản tự mình có đủ khả năng hoặc tự mình thu xếp biên, phiên dịch phù hợp để giải quyết vụ tranh chấp bằng các ngôn ngữ trọng tài còn lại một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Điều 3. Tiêu chuẩn về chuyên môn và kinh nghiệm

Người được chọn hoặc chỉ định làm Trọng tài viên giải quyết tranh chấp tại Trung tâm phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Là người có tên trong Danh sách Trọng tài viên của Trung tâm ở thời điểm được thông báo về việc được chọn hoặc được chỉ định; hoặc
2. Thuộc một trong các trường hợp sau đây:

2.1. Đã tốt nghiệp đại học trong lĩnh vực chuyên môn cụ thể và có ít nhất 15 (mười lăm) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, hoặc đang là thành viên trở lên của Hiệp hội trọng tài quốc tế hoặc Viện trọng tài uy tín hoặc tổ chức tương đương với thâm niên tối thiểu 01 (một) năm và có ít nhất 15 (mười lăm) năm kinh nghiệm làm việc, hoặc tốt nghiệp bậc đại học, thạc sỹ hoặc tiến sỹ trong và ngoài nước với ngành đào tạo liên quan đến trọng tài quốc tế và có ít nhất 15 (mười lăm) năm kinh nghiệm làm việc; và

2.2. Đã tham gia tối thiểu 05 (năm) vụ tranh chấp tại trọng tài quốc tế hoặc trong nước với tư cách Trọng tài viên và đã tham gia soạn thảo 03 (ba) phán quyết trọng tài.

PHỤ LỤC II. THỦ TỤC RÚT GỌN

Điều 1. Các điều khoản chung

1. Phụ lục này được áp dụng cho các vụ tranh chấp được tiến hành theo Thủ tục rút gọn theo Điều 24 của Quy tắc này. Đối với những vấn đề không được quy định trong Phụ lục này, Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài sẽ áp dụng Quy tắc này và các quy định khác có liên quan.
2. Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài có quyền rút ngắn bất cứ thời hạn nào quy định tại Quy tắc và Phụ lục này nếu thấy cần thiết.
3. Trừ khi các bên thỏa thuận khác, Trung tâm hoặc Hội đồng Trọng tài có thể quyết định tiến hành toàn bộ hoặc một số thủ tục tố tụng trên môi trường điện tử, bao gồm việc nộp hoặc gửi thông báo, tài liệu dưới dạng điện tử, tổ chức các cuộc họp hoặc phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trực tuyến, v.v…
4. Trong quá trình tố tụng trọng tài theo Thủ tục rút gọn, khi phát sinh các tình tiết mới khiến cho vụ tranh chấp không còn phù hợp để tiến hành theo Thủ tục rút gọn, Chủ tịch Trung tâm có quyền tự mình hoặc theo đề nghị của một bên hoặc các bên, sau khi tham vấn ý kiến các bên và Hội đồng Trọng tài, quyết định không tiếp tục áp dụng Thủ tục rút gọn. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài đã được thành lập tiếp tục giải quyết vụ tranh chấp theo Thủ tục thông thường, trừ khi Chủ tịch Trung tâm quyết định khác.

Điều 2. Số lượng Trọng tài viên và Thành lập Hội đồng Trọng tài

1. Khi Thủ tục rút gọn được áp dụng, Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất, trừ khi các bên có thỏa thuận Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên, trừ khi các bên có thỏa thuận khác về thủ tục thành lập Hội đồng Trọng tài, mỗi bên phải chọn một Trọng tài viên trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Trung tâm. Nếu Trung tâm không nhận được thông báo trong thời hạn nêu trên, Chủ tịch Trung tâm ra quyết định chỉ định Trọng tài viên thay cho bên đó trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn. Chủ tịch Trung tâm chỉ định Chủ tịch Hội đồng Trọng tài trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cả hai Trọng tài viên chấp nhận làm Trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp.

3. Trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất, các bên phải thống nhất chọn Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Trung tâm. Nếu Trung tâm không nhận được thông báo về Trọng tài viên duy nhất được

các bên thống nhất chọn trong thời hạn nêu trên, Chủ tịch Trung tâm chỉ định Trọng tài viên duy nhất thay cho các bên trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn.

Điều 3. Việc nộp tài liệu, chứng cứ

Khi áp dụng Thủ tục rút gọn, Hội đồng Trọng tài có quyền ấn định thời hạn và cách thức các bên phải nộp tài liệu, chứng cứ. Các tài liệu, chứng cứ các bên nộp không tuân thủ thời hạn và cách thức theo quyết định của Hội đồng Trọng tài mà không có lý do chính đáng có thể bị coi là lạm dụng nhằm gây khó khăn, trì hoãn tố tụng trọng tài và việc ra Phán quyết trọng tài. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài có quyền không xem xét các tài liệu, chứng cứ đó.

Điều 4. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

1. Theo yêu cầu của một bên, Hội đồng Trọng tài có thể căn cứ vào hồ sơ để tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà không cần sự có mặt của bên đó.
2. Trừ khi Hội đồng Trọng tài quyết định khác, phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được tổ chức bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến, hoặc bất kỳ hình thức nào mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp.

Điều 5. Phán quyết trọng tài

Phán quyết trọng tài được lập không muộn hơn 02 tháng kể từ ngày Trung tâm thông báo về việc thành lập Hội đồng Trọng tài và Trung tâm có thể gia hạn thời hạn này trong trường hợp cần thiết. Trong mọi trường hợp Phán quyết trọng tài được lập trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp.

PHỤ LỤC III. ĐIỀU KHOẢN TRỌNG TÀI MẪU

A. Điều khoản trọng tài mẫu (áp dụng cho thủ tục thông thường)

Tiếng Việt:

"Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Đại Nam (ICAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của ICAC".

Ngoài ra, các bên có thể bổ sung:

(a) Số lượng trọng tài viên [một hoặc ba]

(b) Địa điểm trọng tài là [thành phố và/hoặc quốc gia]

(c) Luật áp dụng cho hợp đồng là […] *

(d) Ngôn ngữ trọng tài là [..] **

Tiếng Anh:

"Any dispute arising out of or in relation with this contract shall be resolved by arbitration at the Dainam International Commercial Arbitration Centre (ICAC) in accordance with its Rules of Arbitration"

Parties may wish to consider adding:

(a) Number of arbitrators shall be [one or three]

(b) Place of arbitration shall be [city and/or country]

(c) Governing law of the contract [is/shall be] the substantive law of […]*

(d) Language to be used in the arbitration proceedings shall be […] **

Ghi chú:

* Chỉ áp dụng đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài

** Chỉ áp dụng đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc tranh chấp có ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

B. Điều khoản trọng tài mẫu (áp dụng cho thủ tục rút gọn)

Tiếng Việt:

"Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Đại Nam (ICAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của ICAC.

Các bên thỏa thuận rằng tố tụng trọng tài sẽ được tiến hành theo thủ tục rút gọn của Quy tắc ICAC".

Ngoài ra, các bên có thể bổ sung:

(e) Số lượng trọng tài viên [một Trọng tài viên]

(f) Địa điểm trọng tài là [thành phố và/hoặc quốc gia]

(g) Luật áp dụng cho hợp đồng là […] *

(h) Ngôn ngữ trọng tài là [..] **

Tiếng Anh:

"Any dispute arising out of or in relation with this contract shall be resolved by arbitration at the Dainam International Commercial Arbitration Centre (ICAC) in accordance with its Rules of Arbitration.

The parties agree that the arbitration shall be conducted in accordance with the Expedited Procedure under ICAC's Rules of Arbitration".